

Bản án số: 864/2023/DS-ST.

Ngày: 22-05-2023.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thúy Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Phương,
2. Ông Trần Văn Phú.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Thúy Lan, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 12, 17 và 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 212/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q**

Địa chỉ: Tòa nhà S, đường P, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông PTD, sinh năm: 1996, địa chỉ: Đường V, Phường N, quận B (Giấy ủy quyền số 023447.22 ngày 06/04/2022).

**2. Bị đơn: Ông NNT, sinh năm 1971 (vắng mặt).**

Địa chỉ: Đường L, Phường M, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có ông PTD là đại diện hợp pháp trình bày:*

Ông NTT và Ngân hàng TMCP Q ký Hợp đồng tín dụng số 0020/HĐTD-VIB663.11 ngày 07/12/2011 với nội dung: Ông T vay số tiền 420.000.000 đồng, mục đích vay vốn là vay mua 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD FIESTA, thời hạn vay là 23,8%/năm, trả nợ gốc hàng tháng 8.750.000 đồng/tháng, nợ lãi vào 07 với ngày trả nợ cuối cùng 07/12/2015.

Ngày 07/12/2011, Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho khách hàng NTT theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0020.01/KUWNN-VIB663/11 số tiền 420.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh nên Ngân hàng TMCP Q đã chuyển các khoản vay thành nợ quá hạn từ ngày 16/07/2013.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu ông NTT thanh toán số tiền còn thiếu của hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 13/03/2023 là 867.187.890 đồng, trong đó nợ gốc là 262.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.843.740 đồng, lãi quá hạn là 600.844.150 đồng.

*\* Bị đơn ông NTT* đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/03/2023, 13/03/2023 nhưng ông T không đến làm việc và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông NTT.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh:* Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng theo quy định để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về nội dung, do bị đơn ông NTT vi phạm nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng số 0020/HĐTD1-VIB663/11 ngày 07/12/2011 nhưng thỏa thuận về số tiền phạt chậm trả trên số tiền lãi là vô hiệu do không phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử tính lại số tiền phạt chậm trả đã thu được trừ vào tiền gốc của kỳ sau để chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

**[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:**

Ngân hàng TMCP Q khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông NTT, địa chỉ tại đường L, Phường M, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường M, quận Bình Thạnh theo Văn bản số 1597/2022/CV-TABTh ngày 12/10/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**[2] Về người tham gia tố tụng và sự có mặt của các đương sự:**

Xét bị đơn ông NTT vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông NTT.

**[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:**

Tại phiên tòa, ông PTD, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q, xác định Ngân hàng TMCP Q giữ yêu cầu khởi kiện ông NTT yêu cầu thanh toán số tiền gốc còn thiếu là 262.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn-quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 615.143.066 đồng của Hợp đồng tín dụng số 0020/HĐTD-VIB663.11 ngày 07/12/2011 và tiền lãi quá hạn tiếp tục phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng TMCP Q hoạt động các lĩnh vực được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (mã số doanh nghiệp: 0100233488) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và ông NTT có nhu cầu vay tiền cho mục đích mua xe ô tô tiêu dùng. Ngày 07/12/2011, Ngân hàng TMCP Q (bên cho vay) và ông NTT (bên vay) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0020/HĐTD1-VIB663/11 cho vay 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) với thời hạn 48 tháng, kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, phương thức trả nợ gốc hàng tháng là 8.750.000 đồng/tháng và trả nợ lãi hàng tháng. Căn cứ Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 34 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước, lãi và lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng phải phù hợp với quy định pháp luật về hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi.

Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 (công bố theo Quyết định số 698/QĐ-

CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao), khách hàng vay ngoài phải trả khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, và điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận tại khoản 5 Điều 4 của hợp đồng, hai bên thỏa thuận: "*Số tiền lãi phải trả = dư nợ vay thực tế x số ngày thực tế của kỳ lãi x lãi suất vay (%/năm)/360. Nếu bên vay chậm trả nợ gốc/lãi thì phải chịu phạt do chậm trả, số tiền phạt chậm trả = số tiền chậm trả x số ngày chậm trả x 150% lãi suất vay (%/năm)/360*" là trái với quy định của pháp luật về hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng nên thỏa thuận về số tiền phạt chậm trả trên số tiền lãi là vô hiệu, các bên không phải thực hiện thỏa thuận này tại hợp đồng. Do đó, cần tính lại quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bị đơn ông NTT khi xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q.

Xét tại Khế ước nhận nợ số 0020.01/KUNN1-VIB663/11 ngày 07/12/2011, ông NTT đã nhận nợ Ngân hàng Q số tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) với lãi suất 23,8%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần theo từng khế ước nhận nợ bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 03 tháng + biên độ lãi suất 4,3%/năm, phù hợp với chính sách về lãi suất của Ngân hàng TMCP Q và quy định pháp luật nên xác định Ngân hàng Q đã thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng về chuyển giao tiền vay cho người vay ông NTT và kỳ trả gốc và lãi là ngày 07 hàng tháng.

Xét nghĩa vụ thanh toán của ông T theo Hợp đồng số 0020/HĐTD-VIB663.11 kết thúc vào ngày 07/12/2015 nhưng Ngân hàng Q đã chuyển các khoản vay của ông T theo hợp đồng nêu trên là ngày 16/07/2013 mà không cung cấp được tài liệu chứng minh đã thông báo thu hồi nợ trước hạn nên yêu cầu liên quan đến thời điểm tính lãi quá hạn cho toàn bộ khoản nợ gốc còn lại bắt đầu từ ngày 16/07/2013 là không có cơ sở.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa, ông D xác định lãi suất cho vay đối với khoản vay của ông NTT có sự thay đổi cụ thể như sau:

- Từ kỳ 1 đến kỳ 3: lãi suất cho vay trong hạn là 23,8%/năm;
- Từ kỳ 4 đến kỳ 6: lãi suất cho vay trong hạn là 21,3%/năm;
- Từ kỳ 7 đến kỳ 11: lãi suất cho vay trong hạn là 18,3%/năm;

- Từ kỳ 8 đến kỳ 48 (ngày 07/12/2015): lãi suất cho vay trong hạn là 16,09%/năm.

- Từ sau kỳ 48 đến ngày 07/01/2019: lãi suất cho vay trong hạn là 16,09%/năm;

- Từ ngày 07/01/2019 đến ngày 07/3/2019: lãi suất cho vay trong hạn là 13,1%/năm;

- Từ ngày 07/03/2019 đến ngày 07/6/2019: lãi suất cho vay trong hạn là 12,9%/năm;

- Từ ngày 07/6/2019 đến ngày 07/6/2022: lãi suất cho vay trong hạn là 12,7%/năm;

- Từ ngày 07/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm: lãi suất cho vay trong hạn là 16%/năm.

Xét tại khoản 2 Điều 5 của hợp đồng, hai bên thỏa thuận thứ tự các khoản nợ được thanh toán như sau: các loại phí liên quan đến khoản vay, lãi quá hạn, lãi trong hạn, nợ gốc quá hạn, nợ gốc trong hạn và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định để tạo điều kiện cho khách hàng trả nợ, ngân hàng đồng ý cho khách hàng lựa chọn thứ tự thanh toán tiền gốc của kỳ, tiền lãi bằng cách khách hàng trực tiếp ghi vào phiếu đề nghị thanh toán như bảng kê đã cung cấp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử ghi nhận lại số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và phạt do chậm trả mà ông T đã thanh toán từng đợt theo bảng kê do nguyên đơn cung cấp tại hồ sơ vụ án để tính lại số tiền mà ông T đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo lãi suất trong hạn mà đại diện nguyên đơn thừa nhận tại phiên tòa như sau:

**- Kỳ 1 (ngày 07/01/2012):**

Ông T thanh toán 194.500 đồng ngày 07/01/2012 và 17.197.207 đồng (trong đó trả tiền gốc kỳ 1 là 8.750.000 đồng) ngày 09/01/2023.

Số tiền mà ông T phải thanh toán ngày 09/01/2023 là:

+ tiền gốc kỳ 1: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn:  $420.000.000 \text{ đồng} \times (23,8\% : 360) \times 31 = 8.607.667$  đồng;

+ tiền lãi quá hạn là:  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(23,8\% : 360) \times 150\%] \times 2 = 17.354$  đồng.

Số tiền mà ông T thanh toán dư là:  $(194.500 \text{ đồng} + 17.197.207 \text{ đồng}) - (8.750.000 \text{ đồng} + 8.607.667 \text{ đồng} + 17.354 \text{ đồng}) = 16.686 \text{ đồng}$  được trừ vào tiền dư nợ gốc tính lãi của kỳ tiếp theo.

- **Kỳ 2 (ngày 07/02/2012):** Dư nợ gốc tính lãi là (420.000.000 đồng – 8.750.000 đồng - 16.686 đồng) = 411.233.314 đồng.

Ông T thanh toán 150.324 đồng ngày 07/02/2012 và 17.044.902 đồng (trong đó trả tiền gốc kỳ 2 là 8.750.000 đồng) ngày 08/02/2012.

Số tiền mà ông T phải thanh toán ngày 08/02/2012 là:

+ tiền gốc kỳ 2: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn: (411.233.314 đồng x (23,8%: 360) x 31) = 8.427.998 đồng;

+ tiền lãi quá hạn của số tiền gốc quá hạn là: 8.750.000 đồng x [(23,8%: 360) x 150%] x 1 = 8.677 đồng.

Số tiền mà ông T thanh toán dư là: (150.324 đồng + 17.044.902 đồng) – (8.750.000 đồng + 8.427.998 đồng + 8.677 đồng) = 8.551 đồng được trừ vào dư nợ gốc tính lãi của kỳ tiếp theo.

- **Kỳ 3 (ngày 07/03/2012):** Dư nợ gốc tính lãi là: 411.233.314 đồng – 8.750.000 đồng - 8.551 đồng = 402.474.763 đồng;

Số tiền mà ông T phải thanh toán ngày 07/3/2012 là:

+ tiền gốc: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn là: 402.474.763 đồng (23,8%: 360) x 29 = 7.716.336 đồng.

Ngày 07/03/2012, ông T đã thanh toán tổng cộng 16.466.819 đồng, trong đó trả tiền gốc kỳ 3 là 8.750.000 đồng và tiền lãi 7.716.819 đồng nên số tiền thanh toán còn dư là: 16.466.819 đồng – (8.750.000 đồng + 7.716.336 đồng) = 483 đồng được trừ vào dư nợ gốc tính lãi của kỳ tiếp theo.

- **Kỳ 4 (ngày 07/04/2012):** Dư nợ gốc tính lãi là: 402.474.763 đồng – 8.750.000 đồng – 483 đồng = 393.724.280 đồng.

Ông T thanh toán 114.180 đồng ngày 07/04/2012 và 15.942.294 đồng ngày 13/4/2012 (trong đó trả tiền gốc kỳ 4 là 8.750.000 đồng).

Số tiền mà ông T phải thanh toán ngày 13/04/2012 là:

+ tiền gốc kỳ 4 là: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn: 393.724.280 đồng x (21,3%: 360) x 31 = 7.221.559 đồng;

+ tiền lãi quá hạn của số tiền gốc quá hạn là: 8.750.000 đồng x [(21,3%: 360) x 150%] x 6 = 46.594 đồng.

Số tiền mà ông T thanh toán dư là  $(114.180 \text{ đồng} + 15.942.294 \text{ đồng}) - (8.750.000 \text{ đồng} + 7.221.559 \text{ đồng} + 46.594 \text{ đồng}) = 38.321 \text{ đồng}$  được trừ vào dư nợ gốc tính lãi của kỳ tiếp theo.

- **Kỳ 5 (ngày 07/05/2012):** Dư nợ gốc tính lãi là  $(393.724.280 \text{ đồng} - 8.750.000 \text{ đồng} - 38.321 \text{ đồng}) = 384.935.959 \text{ đồng}$ .

Ông T thanh toán 47.014 đồng ngày 07/05/2012 và 15.550.525 đồng (trong đó tiền gốc của kỳ 5 là 8.750.000 đồng) ngày 08/05/2012.

Số tiền mà ông T phải thanh toán ngày 08/05/2012 là:

+ tiền gốc kỳ 5 là: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn:  $(384.935.959 \text{ đồng} \times (21,3\% : 360) \times 30) = 6.832.613 \text{ đồng}$ ;

+ tiền lãi quá hạn của số tiền gốc quá hạn là:  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(21,3\% : 360) \times 150\%] \times 1 = 7.766 \text{ đồng}$ .

Số tiền mà ông T thanh toán dư là:  $(47.014 \text{ đồng} + 15.550.525 \text{ đồng}) - (8.750.000 \text{ đồng} + 6.832.613 \text{ đồng} + 7.766 \text{ đồng}) = 7.160 \text{ đồng}$  được trừ vào dư nợ gốc tính lãi của kỳ tiếp theo.

- **Kỳ 6 (ngày 07/06/2012):** Dư nợ gốc tính lãi là  $(384.935.959 \text{ đồng} - 8.750.000 \text{ đồng} - 7.160 \text{ đồng}) = 376.178.799 \text{ đồng}$ .

Ông T thanh toán 38.799 đồng ngày 07/06/2012 và 15.695.584 đồng ngày 14/06/2012 (trong đó tiền gốc của kỳ 6 là 8.750.000 đồng).

Số tiền mà ông T phải thanh toán ngày 14/06/2012 là:

+ tiền gốc kỳ 6: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn:  $376.178.799 \text{ đồng} \times (21,3\% : 360) \times 31 = 6.899.746 \text{ đồng}$ ;

+ tiền lãi quá hạn của số tiền gốc quá hạn là:  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(21,3\% : 360) \times 150\%] \times 7 = 54.359 \text{ đồng}$ .

Số tiền thanh toán còn dư là  $(38.799 \text{ đồng} + 15.695.584 \text{ đồng}) - (8.750.000 \text{ đồng} + 6.899.746 \text{ đồng} + 54.359 \text{ đồng}) = 30.278 \text{ đồng}$  được trừ vào dư nợ gốc tính lãi của kỳ tiếp theo.

- **Kỳ 7 (ngày 07/07/2012):** Dư nợ gốc tính lãi là  $376.178.799 \text{ đồng} - 8.750.000 \text{ đồng} - 30.278 \text{ đồng} = 367.398.521 \text{ đồng}$ .

Ông T thanh toán 293.897 đồng ngày 16/7/2012 và 15.777.800 đồng (trong đó tiền gốc của kỳ 7 là 8.750.000 đồng) ngày 19/7/2012.

Số tiền mà ông T phải thanh toán ngày 19/7/2012 là:

+ tiền gốc kỳ 7 là: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn:  $367.398.521 \text{ đồng} \times (18,3\% : 360) \times 30 = 5.602.827 \text{ đồng}$ ;

+ tiền lãi quá hạn của số tiền gốc quá hạn là:  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(18,3\% : 360) \times 150\%] \times 12 = 80.063 \text{ đồng}$ .

Số tiền mà ông T thanh toán dư là:  $(293.897 \text{ đồng} + 15.777.800 \text{ đồng}) - (8.750.000 \text{ đồng} + 5.602.827 \text{ đồng} + 80.063 \text{ đồng}) = 1.638.807 \text{ đồng}$  được trừ vào dư nợ gốc tính lãi của kỳ tiếp theo.

- **Kỳ 8 (ngày 07/08/2012):** Dư nợ gốc tính lãi là  $367.398.521 \text{ đồng} - 8.750.000 \text{ đồng} - 1.638.807 \text{ đồng} = 357.009.714 \text{ đồng}$ .

Ông T thanh toán 8.961.778 đồng (trong đó tiền gốc của kỳ 8 là 8.750.000 đồng) ngày 16/8/2012 và 5.593.019 đồng ngày 30/8/2012.

Số tiền mà ông T phải thanh toán ngày 30/8/2012 là:

+ tiền gốc kỳ 8 là: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn:  $357.009.714 \text{ đồng} \times (18,3\% : 360) \times 31 = 5.625.878 \text{ đồng}$ ;

+ tiền lãi quá hạn của số tiền gốc quá hạn từ ngày 08/08/2012 đến ngày 16/08/2012 là:  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(18,3\% : 360) \times 150\%] \times 9 = 60.047 \text{ đồng}$ .

Số tiền mà ông T thanh toán dư là:  $(8.961.778 \text{ đồng} + 5.593.019 \text{ đồng}) - (8.750.000 \text{ đồng} + 5.625.878 \text{ đồng} + 60.047 \text{ đồng}) = 118.872 \text{ đồng}$  được trừ vào dư nợ gốc tính lãi của kỳ tiếp theo.

- **Kỳ 9 (ngày 07/09/2012):** Dư nợ gốc tính lãi là  $357.009.714 \text{ đồng} - 8.750.000 \text{ đồng} - 118.872 \text{ đồng} = 348.140.842 \text{ đồng}$ .

Ông T thanh toán 8.896.322 đồng (trong đó tiền gốc của kỳ 9 là 8.750.000 đồng) ngày 17/9/2012 và 5.295.034 đồng ngày 25/9/2012.

Số tiền mà ông T phải thanh toán ngày 25/09/2012 là:

+ tiền gốc kỳ 9 là: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn:  $348.140.842 \text{ đồng} \times (18,3\% : 360) \times 31 = 5.486.119 \text{ đồng}$ ;

+ tiền lãi quá hạn của số tiền gốc quá hạn từ ngày 08/09/2012 đến ngày 17/09/2012 là:  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(18,3\% : 360) \times 150\%] \times 10 = 66.719 \text{ đồng}$ .

Số tiền mà ông T thanh toán còn thiếu của kỳ 9 là  $(8.750.000 \text{ đồng} + 5.486.119 \text{ đồng} + 66.719 \text{ đồng}) - (8.896.322 \text{ đồng} + 5.295.034 \text{ đồng}) = 111.482 \text{ đồng}$ .

- **Kỳ 10 (ngày 07/10/2012):** Dư nợ gốc tính lãi là  $348.140.842 \text{ đồng} - 8.750.000 \text{ đồng} = 339.390.842 \text{ đồng}$ .

Ông T thanh toán 65.667 đồng ngày 16/10/2012 và 12.877.002 đồng (trong đó tiền gốc của kỳ 10 là 8.750.000 đồng) ngày 25/10/2012.

Số tiền ông T phải thanh toán ngày 25/10/2012 là:

+ tiền gốc kỳ 10 là: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn:  $339.390.842 \text{ đồng} \times (18,3\% : 360) \times 30 = 5.175.710$  đồng;

+ tiền lãi quá hạn của số tiền gốc quá hạn từ ngày 08/10/2012 đến ngày 25/10/2012 là:  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(18,3\% : 360) \times 150\%] \times 18 = 120.094$  đồng.

+ tiền lãi còn thiếu của kỳ 9 là: 111.482 đồng.

Số tiền lãi mà ông T thanh toán còn thiếu đến kỳ 10 là  $(8.750.000 \text{ đồng} + 5.175.710 \text{ đồng} + 120.094 \text{ đồng} + 111.482 \text{ đồng}) - (65.667 \text{ đồng} + 12.877.002 \text{ đồng}) = 1.214.617$  đồng.

- **Kỳ 11 (ngày 07/11/2012):** Dư nợ gốc tính lãi là 339.390.842 đồng – 8.750.000 đồng = 330.640.842 đồng.

Ông T thanh toán 111.640 đồng ngày 16/11/2012 và 13.035.278 đồng (trong đó tiền gốc của kỳ 11 là 8.750.000 đồng) ngày 29/11/2012.

Số tiền ông T phải thanh toán ngày 29/11/2012 là:

+ tiền gốc kỳ 11 là: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn:  $330.640.842 \text{ đồng} \times (18,3\% : 360) \times 31 = 5.210.349$  đồng;

+ tiền lãi quá hạn của số tiền gốc quá hạn từ ngày 08/11/2012 đến ngày 29/11/2012 là:  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(18,3\% : 360) \times 150\%] \times 22 = 146.781$  đồng.

+ tiền lãi còn thiếu đến kỳ 10 là: 1.214.617 đồng.

Số tiền lãi mà ông T thanh toán còn thiếu đến kỳ 11 là:  $(8.750.000 \text{ đồng} + 5.210.349 \text{ đồng} + 146.781 \text{ đồng} + 1.214.617 \text{ đồng}) - (111.640 \text{ đồng} + 13.035.278 \text{ đồng}) = 2.174.829$  đồng.

- **Kỳ 12 (ngày 07/12/2012):** Dư nợ gốc tính lãi là 330.640.842 đồng – 8.750.000 đồng = 321.890.842 đồng.

Ông T thanh toán số tiền 13.066.929 đồng (trong đó tiền gốc của kỳ 12 là 8.649.276 đồng) ngày 02/01/2013; 100.859 đồng (trong đó tiền gốc của kỳ 12 là 100.724 đồng) ngày 04/01/2013; tổng cộng  $13.066.929 \text{ đồng} + 100.859 \text{ đồng} = 13.167.788$  đồng, trong đó tiền gốc của kỳ 12 là  $8.649.276 \text{ đồng} + 100.724 \text{ đồng} = 8.750.000$  đồng

Số tiền mà ông T phải thanh toán tính theo thời điểm thanh toán là:

+ tiền gốc kỳ 12 là: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn:  $321.890.842 \text{ đồng} \times (16,09\% : 360) \times 30 = 4.316.020 \text{ đồng}$ ;

+ tiền lãi quá hạn của:

- số tiền gốc 8.750.000 đồng quá hạn từ ngày 08/12/2012 đến ngày 02/01/2013 là:  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(16,09\% : 360) \times 150\%] \times 26 = 152.520 \text{ đồng}$ ;

- số tiền gốc (8.750.000 đồng – 8.649.276 đồng = 100.724 đồng) từ ngày 03/01/2013 đến ngày 04/01/2013 là  $100.724 \text{ đồng} \times [(16,09\% : 360) \times 150\%] \times 2 = 135 \text{ đồng}$ .

+ Tiền lãi còn thiếu đến kỳ 11 là: 2.174.829 đồng.

Số tiền lãi mà ông T thanh toán còn thiếu đến kỳ 12 là:  $(8.750.000 \text{ đồng} + 4.316.020 \text{ đồng} + 152.520 \text{ đồng} + 135 \text{ đồng} + 2.174.829 \text{ đồng}) - 13.167.788 \text{ đồng} = 2.225.716 \text{ đồng}$ .

- **Kỳ 13 (ngày 07/01/2013):** Dư nợ gốc tính lãi là 321.890.842 đồng – 8.750.000 đồng = 313.140.842 đồng.

Ông T thanh toán số tiền 141 đồng ngày 16/01/2013 và 13.060.460 đồng (trong đó tiền gốc của kỳ 13 là 8.750.000 đồng) ngày 26/01/2013; tổng cộng là  $141 \text{ đồng} + 13.060.460 \text{ đồng} = 13.060.601 \text{ đồng}$ , trong đó tiền gốc kỳ 13 là 8.750.000 đồng.

Số tiền mà ông T phải thanh toán ngày 26/01/2013 là:

+ tiền gốc kỳ 13 là: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn:  $313.140.842 \text{ đồng} \times (16,09\% : 360) \times 31 = 4.338.653 \text{ đồng}$ ;

+ tiền lãi quá hạn của số tiền gốc quá hạn từ ngày 08/01/2013 đến ngày 26/01/2013 là:  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(16,09\% : 360) \times 150\%] \times 19 = 111.457 \text{ đồng}$ .

+ tiền lãi còn thiếu đến kỳ 12 là: 2.225.716 đồng.

Số tiền lãi mà ông T thanh toán còn thiếu đến kỳ 13 là:  $(8.750.000 \text{ đồng} + 4.338.653 \text{ đồng} + 111.457 \text{ đồng} + 2.225.716 \text{ đồng}) - 13.060.601 \text{ đồng} = 2.365.225 \text{ đồng}$ .

- **Kỳ 14 (ngày 07/02/2013):** Dư nợ gốc tính lãi là 313.140.842 đồng – 8.750.000 đồng = 304.390.842 đồng.

Ông T thanh toán 428.198 đồng ngày 18/02/2013 và 12.933.414 đồng (trong đó tiền gốc của kỳ 14 là 8.750.000 đồng) ngày 01/03/2013; tổng cộng là  $428.198 \text{ đồng} + 12.933.414 \text{ đồng} = 13.361.612 \text{ đồng}$ , trong đó tiền gốc của kỳ 14 là 8.750.000 đồng.

Số tiền mà ông T phải thanh toán đến ngày 01/03/2013 là:

+ tiền gốc kỳ 14 là: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn là:  $304.390.842 \text{ đồng} \times (16,09\% : 360) \times 31 = 4.217.420 \text{ đồng}$ ;

+ tiền lãi quá hạn của số tiền gốc quá hạn từ ngày 08/02/2013 đến ngày 01/03/2013 là:  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(16,09\% : 360) \times 150\%] \times 22 = 129.055 \text{ đồng}$ .

+ tiền lãi còn thiếu đến kỳ 13 là: 2.365.225 đồng.

Tổng số tiền lãi đến kỳ 14 mà ông T thanh toán thiếu là:  $(8.750.000 \text{ đồng} + 4.217.420 \text{ đồng} + 129.055 \text{ đồng} + 2.365.225 \text{ đồng}) - 13.361.612 \text{ đồng} = 2.100.088 \text{ đồng}$ .

- **Kỳ 15 (ngày 07/03/2013):** Dư nợ gốc tính lãi là  $304.390.842 \text{ đồng} - 8.750.000 \text{ đồng} = 295.640.842 \text{ đồng}$ .

Ông T đã thanh toán 49.866 đồng ngày 16/3/2013, 12.000.000 đồng (trong đó tiền gốc của kỳ 15 là 8.503.095 đồng) ngày 27/3/2013 và 247.071 đồng (trong đó tiền gốc của kỳ 15 là 246.905 đồng) ngày 28/3/2013; tổng cộng là  $(49.866 \text{ đồng} + 12.000.000 \text{ đồng} + 247.071 \text{ đồng}) = 12.296.937 \text{ đồng}$ , trong đó tiền gốc của kỳ 15 là  $8.503.095 \text{ đồng} + 246.905 \text{ đồng} = 8.750.000 \text{ đồng}$ .

Số tiền mà ông T phải thanh toán đến các ngày thanh toán một phần tiền gốc là:

+ tiền gốc kỳ 15 là: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn:  $295.640.842 \text{ đồng} \times (16,09\% : 360) \times 28 = 3.699.780 \text{ đồng}$ ;

+ tiền lãi quá hạn của

- số tiền gốc 8.750.000 đồng quá hạn từ ngày 08/3/2013 đến ngày 27/3/2013 là:  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(16,09\% : 360) \times 150\%] \times 20 = 117.323 \text{ đồng}$  và

- tiền gốc  $(8.750.000 \text{ đồng} - 8.503.095 \text{ đồng}) = 246.905 \text{ đồng}$  ngày 28/03/2013 là:  $246.905 \text{ đồng} \times [(16,09\% : 360) \times 150\%] \times 1 = 166 \text{ đồng}$ .

+ tiền lãi còn thiếu đến kỳ 14 là: 2.100.088 đồng.

Số tiền lãi mà ông T thanh toán còn thiếu đến kỳ 15 là:  $(8.750.000 \text{ đồng} + 3.699.780 \text{ đồng} + 117.323 \text{ đồng} + 166 \text{ đồng} + 2.100.088 \text{ đồng}) - 12.296.937 \text{ đồng} = 2.370.420 \text{ đồng}$ .

- **Kỳ 16 (ngày 07/04/2013):** Dư nợ gốc tính lãi là  $295.640.842 \text{ đồng} - 8.750.000 \text{ đồng} = 286.890.842 \text{ đồng}$ .

Số tiền mà ông T phải thanh toán của kỳ 16 là:

+ tiền gốc kỳ 16 là: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn:  $286.890.842 \text{ đồng} \times (16,09\% : 360) \times 31 = 3.699.780 \text{ đồng}$ ;

+ tiền lãi còn thiếu đến kỳ 15 là: 2.370.420 đồng.

Ông T đã thanh toán tiền lãi 136.042 đồng ngày 16/4/2013 nên số tiền mà ông T còn thiếu đến kỳ 16 là:

+ tiền gốc quá hạn từ ngày 08/4/2013 là: 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi còn thiếu đến kỳ 16 là:  $(3.699.780 \text{ đồng} + 2.370.420 \text{ đồng}) - 136.042 \text{ đồng} = 5.934.158 \text{ đồng}$ .

- **Kỳ 17 (ngày 07/05/2013):** Dư nợ gốc tính lãi là 286.890.842 đồng – 8.750.000 đồng = 278.140.842 đồng.

Ngày 20/05/2013, ông T đã thanh toán 12.983.069 đồng (trong đó tiền gốc của kỳ 17 là 5.042.993 đồng, tiền lãi là 12.983.069 đồng - 5.042.993 đồng = 7.940.076 đồng).

Số tiền mà ông T phải thanh toán đến ngày 20/05/2013 là:

+ tiền gốc kỳ 17 là: 8.750.000 đồng; và tiền gốc của kỳ 16 quá hạn là 8.750.000 đồng. Tổng cộng  $8.750.000 \text{ đồng} + 8.750.000 \text{ đồng} = 17.500.000 \text{ đồng}$ .

+ tiền lãi trong hạn:  $278.140.842 \text{ đồng} \times (16,09\% : 360) \times 30 = 3.729.405 \text{ đồng}$ .

+ tiền lãi quá hạn của

- tiền gốc kỳ 16 quá hạn là: 8.750.000 đồng từ ngày 08/4/2013 đến ngày 07/05/2013 là  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(16,09\% : 360) \times 150\%] \times 30 = 175.954 \text{ đồng}$ .

- tiền gốc quá hạn kỳ 16, 17 từ ngày 08/05/2013 đến ngày 20/05/2013 là:  $17.500.000 \text{ đồng} \times [(16,09\% : 360) \times 150\%] \times 13 = 152.520 \text{ đồng}$ .

+ tiền lãi còn thiếu đến kỳ 16 là: 5.934.158 đồng.

Đối trừ thanh toán ngày 20/5/2013, ông T còn thiếu những khoản sau:

+ tiền gốc quá hạn từ ngày 21/5/2013 là:  $17.500.000 \text{ đồng} - 5.042.993 \text{ đồng} = 12.457.007 \text{ đồng}$ ;

+ tiền lãi là:  $(3.729.405 \text{ đồng} + 175.954 \text{ đồng} + 152.520 \text{ đồng} + 5.934.158) - 7.940.076 \text{ đồng} = 2.051.961 \text{ đồng}$ .

- **Kỳ 18 (ngày 07/06/2013):** Dư nợ gốc tính lãi là 278.140.842 đồng – 8.750.000 đồng = 269.390.842 đồng.

Ngày 29/6/2013, ông T thanh toán 13.472.042 đồng, trong đó tiền gốc là 12.457.007 đồng và tiền lãi là  $13.472.042 \text{ đồng} - 12.457.007 \text{ đồng} = 1.015.035 \text{ đồng}$ .

Số tiền mà ông T phải thanh toán đến ngày 29/06/2013 là:

+ tiền gốc kỳ 18 là: 8.750.000 đồng; và tiền gốc phát sinh quá hạn từ ngày 21/05/2013 là 12.457.007 đồng;

+ tiền lãi trong hạn:  $269.390.842 \text{ đồng} \times (16,09\% : 360) \times 31 = 3.732.485 \text{ đồng};$

+ tiền lãi quá hạn của

- tiền gốc 12.457.007 đồng phát sinh quá hạn từ ngày 21/05/2013 đến ngày 29/06/2013 là:  $12.457.007 \text{ đồng} \times [(16,09\% : 360) \times 150\%] \times 40 = 334.055 \text{ đồng};$

- tiền gốc của kỳ 18 đến ngày 29/06/2013 là:  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(16,09\% : 360) \times 150\%] \times 22 = 129.055 \text{ đồng}.$

+ tiền lãi còn thiếu đến kỳ 17 là: 2.051.961 đồng;

Đối trừ thanh toán ngày 29/6/2013, ông T còn thiếu những khoản sau:

+ tiền gốc phát sinh quá hạn từ ngày 30/6/2013 là: 8.750.000 đồng + 12.457.007 đồng - 12.457.007 đồng = 8.750.000 đồng;

+ tiền lãi là:  $(3.732.485 \text{ đồng} + 334.055 \text{ đồng} + 129.055 \text{ đồng} + 2.051.961 \text{ đồng}) - 1.015.035 \text{ đồng} = 5.232.521 \text{ đồng}.$

- **Kỳ 19 (ngày 07/07/2013):** Dư nợ gốc tính lãi là 269.390.842 đồng – 8.750.000 đồng = 260.640.842 đồng.

Ông T không thanh toán bất kỳ khoản nào còn thiếu của kỳ 19 nên số tiền mà ông T còn thiếu đến kỳ 19 là:

+ tiền gốc của kỳ 19 là: 8.750.000 đồng và tiền gốc phát sinh quá hạn từ ngày 30/6/2013 là 8.750.000 đồng. Tổng cộng là 8.750.000 đồng + 8.750.000 đồng = 17.500.000 đồng;

+ tiền lãi gồm:

- tiền lãi trong hạn kỳ 19 là:  $260.640.842 \text{ đồng} \times (16,09\% : 360) \times 30 = 3.494.759 \text{ đồng};$

- tiền lãi còn thiếu đến kỳ 18 là: 5.232.521 đồng;

- tiền lãi quá hạn của tiền gốc phát sinh quá hạn từ ngày 30/6/2013 đến ngày 07/7/2013 là:  $8.750.000 \text{ đồng} \times [(16,09\% : 360) \times 150\%] \times 7 = 41.063 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền lãi đến kỳ 19 là:  $3.494.759 \text{ đồng} + 5.232.521 \text{ đồng} + 41.063 \text{ đồng} = 8.768.343 \text{ đồng}.$

- **Kỳ 20 (ngày 07/08/2013):** Dư nợ gốc tính lãi là 260.640.482 đồng – 8.750.000 đồng = 251.890.482 đồng.

Ngày 08/8/2013, ông T đã thanh toán 12.044.061 đồng, trong đó tiền gốc của kỳ 20 là 8.750.000 đồng và tiền lãi là 12.044.061 đồng – 8.750.000 đồng = 3.294.061 đồng.

Số tiền mà ông T phải thanh toán đến ngày 08/8/2013 là:

+ tiền gốc của kỳ 20 là: 8.750.000 đồng và tiền gốc phát sinh quá hạn từ ngày 08/07/2013 là 17.500.000 đồng. Tổng cộng là 8.750.000 đồng + 17.500.000 đồng = 26.250.000 đồng;

+ tiền lãi trong hạn kỳ 20 là: 251.890.842 đồng x (16,09% : 360) x 31 = 3.490.018 đồng;

+ tiền lãi đến kỳ 19 còn thiếu là: 8.768.343 đồng.

+ tiền lãi quá hạn của:

- Tiền gốc phát sinh quá hạn từ ngày 08/07/2013 đến ngày 08 /8/2013 là: 17.500.000 đồng x [(16,09% x 150%)/360] x 32 = 375.433 đồng;

- Tiền gốc của kỳ 20 quá hạn là: 8.750.000 đồng x [(16,09% x 150%) : 360] x 1 = 5.866 đồng.

Đối trừ thanh toán, số tiền mà ông T còn thiếu đến kỳ 20 là:

+ tiền gốc quá hạn từ ngày 08/8/2013: 26.250.000 đồng – 8.750.000 đồng = 17.500.000 đồng;

+ tiền lãi: (3.490.018 đồng + 8.768.343 đồng + 375.433 đồng + 5.866 đồng) - 3.294.061 đồng = 9.345.599 đồng.

- **Kỳ 21 (ngày 07/09/2013):** Dư nợ gốc tính lãi là 251.890.842 đồng – 8.750.000 đồng = 243.140.842 đồng.

Bắt đầu từ kỳ 20, ông T không tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu nên ngoài số tiền lãi trong hạn, ông T phải trả tiền lãi quá hạn trên số tiền gốc mỗi kỳ đến hạn không thanh toán cho đến ngày xét xử sơ thẩm 22/05/2023.

Tiền gốc 17.500.000 đồng quá hạn từ ngày 08/8/2013 đến ngày 07/01/2019 là: 17.500.000 đồng x [(16,09% x 150%) : 360] x 1.978 = 23.206.473 đồng.

Tiền gốc từ kỳ 21 đến kỳ 48 phát sinh lãi trong hạn và quá hạn đến ngày 07/01/2019 được tính với lãi suất 16,09%/năm như sau:

| Kỳ | Ngày đầu kỳ | Ngày cuối kỳ | Số ngày | Tiền gốc phải trả | Dư nợ gốc tính lãi trong hạn | Tiền lãi trong hạn mỗi kỳ | Số ngày quá hạn đến 07/01/2019 | Tiền lãi quá hạn đến 07/01/2019 |
|----|-------------|--------------|---------|-------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| 21 | 07/08/2013  | 07/09/2013   | 31      | 8,750,000         | 243,140,842                  | 3,368,784                 | 1,948                          | 11,427,252                      |
| 22 | 07/09/2013  | 07/10/2013   | 30      | 8,750,000         | 234,390,842                  | 3,142,791                 | 1,918                          | 11,251,268                      |
| 23 | 07/10/2013  | 07/11/2013   | 31      | 8,750,000         | 225,640,842                  | 3,126,317                 | 1,887                          | 11,069,417                      |
| 24 | 07/11/2013  | 07/12/2013   | 30      | 8,750,000         | 216,890,842                  | 2,908,145                 | 1,857                          | 10,893,433                      |

|                  |            |            |    |           |             |                   |       |                    |
|------------------|------------|------------|----|-----------|-------------|-------------------|-------|--------------------|
| 25               | 07/12/2013 | 07/01/2014 | 31 | 8,750,000 | 208,140,842 | 2,883,849         | 1,826 | 10,711,582         |
| 26               | 07/01/2014 | 07/02/2014 | 31 | 8,750,000 | 199,390,842 | 2,762,616         | 1,795 | 10,529,732         |
| 27               | 07/02/2014 | 07/03/2014 | 28 | 8,750,000 | 190,640,842 | 2,385,764         | 1,767 | 10,365,480         |
| 28               | 07/03/2014 | 07/04/2014 | 31 | 8,750,000 | 181,890,842 | 2,520,148         | 1,736 | 10,183,629         |
| 29               | 07/04/2014 | 07/05/2014 | 30 | 8,750,000 | 173,140,842 | 2,321,530         | 1,706 | 10,007,645         |
| 30               | 07/05/2014 | 07/06/2014 | 31 | 8,750,000 | 164,390,842 | 2,277,681         | 1,675 | 9,825,794          |
| 31               | 07/06/2014 | 07/07/2014 | 30 | 8,750,000 | 155,640,842 | 2,086,884         | 1,645 | 9,649,810          |
| 32               | 07/07/2014 | 07/08/2014 | 31 | 8,750,000 | 146,890,842 | 2,035,213         | 1,614 | 9,467,959          |
| 33               | 07/08/2014 | 07/09/2014 | 31 | 8,750,000 | 138,140,842 | 1,913,980         | 1,583 | 9,286,109          |
| 34               | 07/09/2014 | 07/10/2014 | 30 | 8,750,000 | 129,390,842 | 1,734,916         | 1,553 | 9,110,124          |
| 35               | 07/10/2014 | 07/11/2014 | 31 | 8,750,000 | 120,640,842 | 1,671,512         | 1,522 | 8,928,274          |
| 36               | 07/11/2014 | 07/12/2014 | 30 | 8,750,000 | 111,890,842 | 1,500,270         | 1,492 | 8,752,290          |
| 37               | 07/12/2014 | 07/01/2015 | 31 | 8,750,000 | 103,140,842 | 1,429,045         | 1,461 | 8,570,439          |
| 38               | 07/01/2015 | 07/02/2015 | 31 | 8,750,000 | 94,390,842  | 1,307,811         | 1,430 | 8,388,589          |
| 39               | 07/02/2015 | 07/03/2015 | 28 | 8,750,000 | 85,640,842  | 1,071,748         | 1,402 | 8,224,336          |
| 40               | 07/03/2015 | 07/04/2015 | 31 | 8,750,000 | 76,890,842  | 1,065,344         | 1,371 | 8,042,486          |
| 41               | 07/04/2015 | 07/05/2015 | 30 | 8,750,000 | 68,140,842  | 913,655           | 1,341 | 7,866,502          |
| 42               | 07/05/2015 | 07/06/2015 | 31 | 8,750,000 | 59,390,842  | 822,877           | 1,310 | 7,684,651          |
| 43               | 07/06/2015 | 07/07/2015 | 30 | 8,750,000 | 50,640,842  | 679,009           | 1,280 | 7,508,667          |
| 44               | 07/07/2015 | 07/08/2015 | 31 | 8,750,000 | 41,890,842  | 580,409           | 1,249 | 7,326,816          |
| 45               | 07/08/2015 | 07/09/2015 | 31 | 8,750,000 | 33,140,842  | 459,176           | 1,218 | 7,144,966          |
| 46               | 07/09/2015 | 07/10/2015 | 30 | 8,750,000 | 24,390,842  | 327,041           | 1,188 | 6,968,981          |
| 47               | 07/10/2015 | 07/11/2015 | 31 | 8,750,000 | 15,640,842  | 216,708           | 1,157 | 6,787,131          |
| 48               | 07/11/2015 | 07/12/2015 | 30 | 6,890,842 | 6,890,842   | 92,395            | 1,127 | 5,206,442          |
| <b>Tổng cộng</b> |            |            |    |           |             | <b>47,605,616</b> |       | <b>251,179,803</b> |

Tổng số tiền gốc còn thiếu đến ngày 07/01/2019 là 17.500.000 đồng + 243.140.842 đồng = 260.640.842 đồng.

Tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền gốc 260.640.842 đồng từ ngày 07/01/2019 đến ngày xét xử như sau:

+ tiền lãi quá hạn từ ngày 07/01/2019 đến ngày 07/3/2019 là: 260.640.842 đồng x [(13,1% x 150%) : 360] x 59 = 8.393.721 đồng;

+ tiền lãi quá hạn từ ngày 07/03/2019 đến ngày 07/6/2019 là: 260.640.842 đồng x [(12,9% x 150%) : 360] x 92 = 12.888.690 đồng;

+ tiền lãi quá hạn từ ngày 07/6/2019 đến ngày 07/6/2022 là: 260.640.842 đồng x [(12,7% x 150%) : 360] x 1.096 = 151.163.000 đồng;

+ tiền lãi quá hạn từ ngày 07/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/05/2023 là: 260.640.842 đồng x [(16% x 150%) : 360] x 349 = 60.642.436 đồng.

Vậy, tổng số tiền mà ông T còn thiếu đến ngày xét xử sơ thẩm là:

+ tiền gốc là: 260.640.842 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng);

+ tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là: 9.345.599 đồng + 23.206.473 đồng + 47.605.616 đồng + 251.179.803 đồng + 8.393.721 đồng + 12.888.690 đồng + 151.163.000 đồng + 60.642.436 đồng = 564.425.338 đồng (Năm trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi tám đồng).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông NTT trả số tiền còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 0020/HĐTD1-VIB663/11 ngày 07/12/2011 tổng cộng đến ngày xét xử sơ thẩm là 825.066.180 đồng, trong đó tiền gốc là 260.640.872 đồng và tiền lãi là 564.425.338 đồng, tiền lãi quá hạn tiếp tục phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng từ ngay sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong; không chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông NTT phải trả số tiền gốc là (262.500.000 đồng – 260.640.872 đồng = 1.859.128 đồng) và tiền lãi là (615.143.066 đồng - 564.425.338 đồng = 50.717.728 đồng), tổng cộng 1.859.128 đồng + 50.717.728 đồng = 52.576.856 đồng nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

#### **[4] Về án phí sơ thẩm:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, bị đơn ông NTT phải chịu là: 36.751.985 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi một nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng),

Do phần yêu cầu khởi kiện 52.576.856 đồng không được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q phải chịu án phí sơ thẩm là 2.629.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 63, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 7 và điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 34 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông NTT phải trả số tiền gốc là 1.859.128 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi chín nghìn một trăm hai mươi tám đồng) và tiền lãi là 50.717.728 đồng (Năm mươi triệu bảy trăm mười bảy nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng), tổng cộng 52.576.856 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng), của Hợp đồng tín dụng số 0020/HĐTD1-VIB663/11 ngày 07/12/2011.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Buộc ông NTT thanh toán làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 0020/HĐTD1-VIB663/11 ngày 07/12/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là 825.006.180 đồng (Tám trăm hai mươi lăm triệu sáu ngàn một trăm tám mươi đồng), trong đó tiền gốc là 260.640.872 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng) và tiền lãi là 564.425.338 đồng (Năm trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi tám đồng).

Kể từ ngay sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong, ông NTT còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0020/HĐTD1-VIB663/11 ngày 07/12/2011.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Án phí dân sự đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm là 36.751.985 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi một nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng) ông NTT phải chịu.

2.2. Ngân hàng TMCP Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.629.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.764.000 đồng theo Biên lai thu số 0000590 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng Ngân hàng TMCP Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí theo biên lai nói trên là 14.135.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

**4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án:**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5. Quyền kháng cáo:**

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

**Vũ Thị Thúy Vân**